TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2017
V/v *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Hận.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hải Hưng;

2. Ông Trịnh Hữu Hiệp.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Như Ý, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh tham gia phiên toà: Ông Phạm Duy Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 164/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Ngọc N, sinh năm 1984 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã N, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 68, Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 6 năm 2017 và tại phiên tòa nguyên đơn Chị Trịnh Ngọc N trình bày*: Năm 2001 chị và Anh Bùi Văn H tự nguyện chung sống với nhau, đến ngày 17/01/2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, trong quá trình chung sống vợ chồng không có sự chia sẽ, không quan tâm chăm sóc nhau, luôn bất đồng quan điểm nên vợ chồng xảy ra mâu

thuẫn. Mặt dù, gia đình hai bên đã hòa giải hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với Anh Bùi Văn H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Bùi Hoàng A, sinh ngày 24/8/2002 và Bùi Tân A, sinh ngày 04/3/2007, hiện con chung đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 20.000.000 đồng, chị đồng ý tự trả số nợ trên cho Ngân hàng chính sách xã hội, chị không yêu cầu anh H trả số nợ trên.

* Đối với bị đơn Anh Bùi Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, xét xử nhiều lần nhưng anh H vắng mặt không có lý do và không có ý kiến với yêu cầu của chị N.

* Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, xét xử nhiều lần nhưng Ngân hàng chính sách xã hội vắng mặt không có lý do và không có ý kiến với yêu cầu của chị N.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau trình bày quan điểm: Từ khi thụ lý đến ngày đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi con của chị N. Về tài sản chung chị N không yêu cầu nên không xem xét, về nợ chung do Ngân hàng chính sách không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh H, địa chỉ: ấp 6, xã N, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa anh H và Ngân hàng chính sách xã hội vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H và Ngân hàng chính sách xã hội.

Tại phiên tòa chị N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, chị chỉ yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi hai người con chung. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị N không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N với anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện U Minh vào ngày 17/01/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa chị N cương quyết xin được ly hôn với anh H vì vợ chồng chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẽ với nhau, đến nay thì chị không còn tình cảm với anh H. Đối với anh H, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ anh H nhiều lần để tham gia hòa giải nhưng anh H vắng mặt không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của chị N. Điều này, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N với anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về việc xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị N và anh H có 02 người con chung tên Bùi Hoàng A, sinh ngày 24/8/2002 và Bùi Tân A, sinh ngày 04/3/2007, hiện đang sống chung với chị N và chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con. Xét thấy anh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng anh H vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của chị N. Đồng thời, 02 người con có nguyện vọng được sống chung với chị N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về việc được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Bùi Hoàng A, sinh ngày 24/8/2002 và Bùi Tân A, sinh ngày 04/3/2007. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị N rút lại yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị N xác định có nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 20.000.000 đồng và đồng ý trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số nợ trên. Ngân hàng chính sách xã hội đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia hòa giải, xét xử nhưng Ngân hàng không có ý kiến đối với số nợ trên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này các bên có xảy ra tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình chị N phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 244; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; 56, 81, 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Trịnh Ngọc N với Anh Bùi Văn H.

Về con chung: Giao 02 người con chung tên Bùi Hoàng A, sinh ngày 24/8/2002 và Bùi Tân A, sinh ngày 04/3/2007 cho Chị Trịnh Ngọc N tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của Chị Trịnh Ngọc N.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình Chị Trịnh Ngọc N phải nộp 300.000 đồng, ngày 03 tháng 7 năm 2017 chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011453 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau chuyển thu án phí.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm, Chị Trịnh Ngọc N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn H và Ngân hàng chính sách xã hội có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Hận

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Nơi thực hiện việc kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn thư.